

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC10+RP3	7:25	7+13	0+0		0+22	0+0	
2		TD3+P5+MRM	7:25	0+4+16	0+0+0		0+5+17	0+0+0	chuyen 2 td3- p5
3		RC6+RP1	7:25	9+13	0+0		6+16	0+0	
4		VSP02+RC4	7:25	20+2	0+0		19+3	0+0	
5		KNT+RC8	7:25	15+2	0+0		10+9	0+0	puma
6		GTCl+VSP02	9:25	4+17	0+0		0+22	0+0	
7		TD2+RP3	9:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
8		RP1+RC10+RP2	9:25	16+0+0	0+0+0		15+0+5	0+0+0	chuyen 7 rc10- rp2
9		RC3+RC5+RC4	9:25	1+14+4	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
10		MRM+KNT	9:25	6+11	0+0		4+14	0+0	puma
11		P11+RP3	11:25	7+13	0+0		1+21	0+0	
12		RP3+RCDM+RC6	11:25	11+8+1	0+0+0		6+9+7	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày RC4-Ing, Rc6-4ng, Rp3-6ng

2/7 nguoi đi Rc10-chuyen sang rp2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RC10 - RP3	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3685	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	SAVVON VLADIMIR	RC10	88	1	2			84	D-HANH	Russian
2	RESHETNIK ALEKSANDR	RC10	85	1	2			98	D-HANH	Russian
3	KOZLOV KONSTANTIN	RC10						115	D-HANH	Russian
4	IUZHANIN OLEG	RC10	87	1	4			83	D-HANH	Russian
5	VLADIMIROV SERGEI	RC10	86	1	3			85	D-HANH	Russian
6	KRAPIVKA VADIM	RC10	84	1	4			96	KH-THAC	Russian
7	BAMBUROV EGOR	RC10	89	1	4			92	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN HOÀI VŨ	RP3				6	110	64	D-HANH	Vietnamese
9	HOÀNG THANH HOA	RP3	74	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	83	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
11	VOEVODCHENKOV N.	RP3	75	1	6			104	KH-THAC	Russian
12	PHẠM HỮU THẮNG	RP3	71-72	2	20			88	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI NGỌC THIẾT	RP3	76	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUANG TRUNG	RP3						69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NAM	RP3	69	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
16	MIRSAYAPOV R.R.	RP3	73	1	3			103	KH-THAC	Russian
17	HA QUỐC VIỆT	RP3						60	KHI	Vietnamese
18	LÊ VĂN HOÀN	RP3						68	KHI	Vietnamese
19	PHẠM THANH BÌNH	RP3						82	ANTOAN	Vietnamese
20	HUỶNH NGỌC BÍCH	RP3	67-68	2	10			70	YTE	Vietnamese
21	ĐÀO TRUNG KIẾN	RP3	70	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	7	653	6	19	0	0	0		
2	RP3	14	1.047	11	66	6	110	22		
TOTAL		21	1.700	17	85	6	110	22		
WEIGHT KG			1.700		85		110			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:TD3 - P5 - MRM	CREW: VTHẮNG - N.ANH - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3695	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LY NHẬT TRƯỜNG	P5	23	1	15			76	DVL	Vietnamese
2	HUYNH VU TINH	P5	22	1	10			65	DVL	Vietnamese
3	PHẠM TUNG VY	P5	25	1	10	1	11	65	DVL	Vietnamese
4	LUƠNG MẠNH HAI	P5	24	1	19			81	DVL	Vietnamese
5	DROZDOV ANDREI	MRM	21	1	5			85	AMNGR	Russian
6	VŨ QUANG	MRM	04	1	12			78	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	MRM	17	1	6			88	KHOAN	Vietnamese
8	TARANENKO ALEKSEI	MRM	16	1	14			116	AMNGR	Russian
9	IAMASHEV ALBERT	MRM	18	1	5			76	AMNGR	Russian
10	DIACHUK DMITRII	MRM	19-20	2	11			65	AMNGR	Russian
11	KUCHMII EGOR	MRM	22-23	2	15			111	AMNGR	Russian
12	KHLEBNIKOV DMITRII	MRM	01	1	5			80	AMNGR	Russian
13	ZHULIANOV DMITRII	MRM	07-08	2	16			95	AMNGR	Russian
14	ZANIN PAVEL	MRM	05-06	2	8			79	AMNGR	Russian
15	TRON KIRILL	MRM	14-15	2	15			86	AMNGR	Russian
16	BORODIN ARTUR	MRM	11-12	2	11			88	AMNGR	Russian
17	SUKHANOV EGOR	MRM	02	1	11	1	20	105	AMNGR	Russian
18	MOSHKIN SERGEI	MRM	09-10	2	20			80	AMNGR	Russian
19	KURSHEV SERGEI	MRM	13	1	10			76	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	0	0	0	0	1	6	0	42	CHUYEN 2 PAX TD3-P5
2	P5	4	287	4	54	1	11	5		
3	MRM	15	1.308	22	164	1	20	17		
TOTAL		19	1.595	26	218	3	37	22		
WEIGHT KG			1.595		218		37			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: NAU - 1	TO: RC6 - RP1	CREW: LHM - HIEU - TDUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3691	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LARIN MIKHAIL	RC6	96	1	2			97	D-HANH	Russian
2	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	97	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG THANH TRUNG	RC6				3	50	73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	RC6	95	1	3			51	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	RC6						76	ANTOAN	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG HIỆU	RC6	62	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN GIÁP TUẤT	RC6	99	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	98	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LỢI	RC6	500	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
10	TSOPANOV ALAN	RP1	37	1	9			99	KH-THAC	Russian
11	KOROGHLUYEV RAMIL	RP1	36	1	9			76	KH-THAC	Russian
12	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	26	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUANG TÙNG	RP1						76	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	30	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
15	TAO QUANG NGÂN	RP1				2	35	67	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG THỂ HAI	RP1	27	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	RP1	33-34	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	35	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	32	1	10			77	KH-THAC	Vietnamese
20	LY XUÂN TRUNG	RP1	31	1	9			64	YTE	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN HÙNG	RP1	38-39	2	18			70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN HOÀNG THÔNG	RP1	28-29	2	15			88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	9	635	7	41	3	50	6		
2	RP1	13	986	14	108	2	35	16		
TOTAL		22	1.621	21	149	5	85	22		
WEIGHT KG			1.621		149		85			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

LƯU THANH HẢI

LÊ TRUNG HIỆU



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: VSP02 - RC4	CREW: LINH - NPHÚ - VŨ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3690	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	YANDYAN E.	VSP02	97	1	9	1	15	85	KH-THAC	Russian
2	GURIN V.	VSP02	91	1	7			104	KH-THAC	Russian
3	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	61	1	4			102	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG HÙNG	VSP02	95-96	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	62	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	99	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	63	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	65-66	2	12			58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU NGHỊ	VSP02	56	1	7			58	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	57-58	2	15			65	YTE	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH HÙNG	VSP02	59-60	2	14			70	YTE	Vietnamese
12	DUƠNG MINH BÁC	VSP02	93	1	7	1	16	80	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG NGỌC ĐÔNG	VSP02	90	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	200	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	92	1	5	1	15	67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TÂN HẬU	VSP02	799	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THUY	VSP02	89	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	87	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	88	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HÙNG	VSP02	64	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT THANH	RC4				3	57	72	KH-THAC	Vietnamese
22	NOVIKOV A.IU	RC4	98	1	3			98	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	20	1.459	24	150	3	46	19		
2	RC4	2	170	1	3	3	57	3		
TOTAL		22	1.629	25	153	6	103	22		
WEIGHT KG			1.629		153		103			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:50
B.CARD: TRANG-1A	TO:KNT - RC8	CREW: ATUÁN - TRÌNH	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3675	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN DANH PHONG	KNT	35	1	7			77	PVD DD	Vietnamese
2	BUI QUỐC THƯ	KNT	40-41	2	10			64	PVD DD	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TÂM	KNT	32	1	4	2	16	67	INTL.SOS	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	KNT	28	1	5	2	30	75	KHOAN	Vietnamese
5	BUI ANH TU	KNT	43-44	2	17			70	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VĂN QUYẾT	KNT	34	1	10			90	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THĂNG	KNT	39	1	10			76	PVD DD	Vietnamese
8	VĂN HUY THANH	KNT	36-37	2	12			67	PVDO	Vietnamese
9	LÊ BA LONG	KNT	29	1	7			59	PVDO	Vietnamese
10	LÊ VĂN PHƯƠNG	KNT	38	1	5			70	PVDO	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN TRƯỜNG	KNT	45	1	8			71	PVDO	Vietnamese
12	PHẠM MINH THĂNG	KNT	33	1	5			71	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	KNT	31	1	10			63	PVDO	Vietnamese
14	LÊ TẤN TỈNH	KNT	30	1	7			66	PVDO	Vietnamese
15	HOANG VAN MINH	KNT	42	1	10			67	PVDO	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TUỆ	RC8	11	1	13			65	KH-THAC	Vietnamese
17	VU QUANG TUYẾN	RC8	32	1	11			97	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	15	1.053	18	127	4	46	10		
2	RC8	2	162	2	24	0	0	9		
TOTAL		17	1.215	20	151	4	46	19		
WEIGHT KG			1.215		151		46			

GRAND TOAL: 1.412 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN
TRẦN KHÁNH TRÌNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: GTC1 - VSP02	CREW: DUONG - ĐNAM - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3686	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN NGỌC DANH	GTC1	81	1	15			62	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN BA ĐIỆN	GTC1	76-77	2	18	1	20	80	XAYLAP	Vietnamese
3	LE NGỌC HAI	GTC1	80	1	13			66	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VĂN DUƠNG	GTC1	78-79	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	29	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG HUNG	VSP02	34	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	20	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	22	1	6	2	30	73	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH QUÂN	VSP02	23	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH THẾ ANH	VSP02	30	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	21	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	24	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	32	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	28	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	26	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	27	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN TIẾN LŨ	VSP02	98	1	7	1	28	66	NIPI	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC TU	VSP02						84	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	25	1	6			60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TÍN	VSP02	31	1	11			59	PSV	Vietnamese
21	VŨ VĂN CHUYỀN	VSP02	33	1	9			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	4	271	6	65	1	20	0		
2	VSP02	17	1.205	16	108	3	58	22		
TOTAL		21	1.476	22	173	4	78	22		
WEIGHT KG			1.476		173		78			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:TD2 - RP3	CREW: VTHẮNG - N.ANH - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3688	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN TOÀN THẮNG	TD2	70	1	15			72	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ BA TỬ	TD2	69	1	5			63	CODIEN	Vietnamese
3	HOANG THANH TUYẾN	TD2	73-74	2	17			76	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG SỰ	TD2	75-77	3	19			76	CODIEN	Vietnamese
5	VU ĐÌNH NAM	TD2	71-72	2	19			68	CODIEN	Vietnamese
6	ĐO DUY TIẾN	RP3	69	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH HOÀI	RP3	58	1	5			108	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC ANH	RP3	64	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TỬ HẢI	RP3						67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC HUY	RP3	65	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	59	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG XUAN HUNG	RP3				2	35	70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐOÀN THANH	RP3	57	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THANH LONG	RP3	62-63	2	8			85	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGUYỄN HAI DƯƠNG	RP3	58	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	68	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC OANH	RP3						62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	66	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH CÔNG	RP3	59	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG HẢI	RP3	61	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THÈ PHONG	RP3	67	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC THANH	RP3	60	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	5	355	9	75	0	0	0		
2	RP3	17	1.243	15	85	2	35	22		
TOTAL		22	1.598	24	160	2	35	22		
WEIGHT KG			1.598		160		35			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:02
B.CARD: VÀNG-2	TO:RP1 - RC10 - RP2	CREW: LINH - NPHÚ - VŨ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3696	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	29	1	5	1	7	102	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HỮU HA	RP1	33-34	2	19			66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	22	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HỒ	RP1	23	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN THANH CÔNG	RP1						58	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RP1	21	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	18	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH DŨNG	RP1	19-20	2	11			87	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH VĂN THUẬN	RP1	30-31	2	15			67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRANG NGỌC HÙNG	RP1	32	1	15			72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC DŨNG	RP1	24	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	RP1	26	1	4			78	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	27	1	4			65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THẠO	RP1	25	1	7			78	PSV	Vietnamese
15	ĐAO VĂN DŨNG	RP1	28	1	5			75	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	RP1	17	1	7			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	16	1.181	18	125	1	7	15		
2	RC10	0	0	0	0	0	0	0 + 7	CHUYEN 7 PAX RC10-RP2	
3	RP2	0	0	0	0	2	30	5		
TOTAL		16	1.181	18	125	3	37	20		
WEIGHT KG			1.181		125		37			

GRAND TOAL: 1.343 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO:RC3 - RC5 - RC4	CREW: LHM - KHAI - TDUNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 09	VNHS FLIGHT: TM25/3692		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐO MINH TOAN	RC3	41-42	2	15			114	KH-THAC	Vietnamese
2	KURPASOV	RC5						77	KH-THAC	Russian
3	LE VAN TOAN	RC5	09	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH VAN TIEN	RC5	40	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH PHUONG QUY	RC5	37	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN TRUNG	RC5	38	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HOANG TUNG	RC5	41	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAO QUYET THANG	RC5	42	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN HUY	RC5	36	1	13			84	KH-THAC	Vietnamese
10	HA VAN HAI	RC5	31-32	2	8			72	BA SON	Vietnamese
11	PHAN VAN ĐANG	RC5	33	1	4	2	21	52	BA SON	Vietnamese
12	PHAN HUY THANG	RC5	45-46	2	15			68	BA SON	Vietnamese
13	LE VAN MINH	RC5	47	1	6	3	50	61	BA SON	Vietnamese
14	HOANG NGOC THAI	RC5	43-44	2	16			53	BA SON	Vietnamese
15	LE TUAN VU	RC5	30	1	6			99	PSV	Vietnamese
16	MAI VAN TUONG	RC4	13	1	3			65	PSV	Vietnamese
17	HOANG VAN TUNG	RC4						81	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐANG MINH DUNG	RC4						77	KH-THAC	Vietnamese
19	LE HAI ANH	RC4	14-15	2	14			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	1	114	2	15	0	0	0		
2	RC5	14	997	16	108	5	71	12		
3	RC4	4	296	3	17	0	0	10		
TOTAL		19	1.407	21	140	5	71	22		
WEIGHT KG			1.407		140		71			

GRAND TOAL: 1.618 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LƯU THANH HẢI
ĐẶNG QUANG KHAI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:10
B.CARD: HONG-2	TO:MRM - KNT	CREW: ATUẤN - TRÌNH	ETA: 12:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3676	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KHOKHLOV VLADISLAV	MRM	25-26	2	17			90	AMNGR	Russian
2	NGUYEN VAN TU	MRM	30	1	10			75	AMNGR	Vietnamese
3	NGO THANH SON	MRM	33	1	12	1	8	75	DVL	Vietnamese
4	LA QUY DANH	MRM	31-32	2	17			60	DVL	Vietnamese
5	KAZACHKOV DENIS	MRM	27	1	12			103	AMNGR	Russian
6	SUVOROV IURII	MRM	29	1	5	1	19	120	AMNGR	Russian
7	ILMETIEV ANDREY	MRM						61	AMNGR	Russian
8	NGUYEN BINH DAN	KNT	12	1	10			60	PVDO	Vietnamese
9	PHAM VAN DUONG	KNT	07	1	6			67	PVDO	Vietnamese
10	BUI MANH HUNG	KNT	06	1	13			70	PVDO	Vietnamese
11	NGUYEN HUU CUONG	KNT	05	1	11			62	PVDO	Vietnamese
12	ĐANG VAN KIEM	KNT	04	1	9			68	PVDO	Vietnamese
13	CU THANH NHAN	KNT	02	1	3			62	PVDO	Vietnamese
14	BUI SY TRUONG	KNT	01	1	5			60	PVDO	Vietnamese
15	NGUYEN THANH NHAN	KNT	03	1	3			58	PVDO	Vietnamese
16	ĐOAN CHI TAI	KNT	09-10	2	8			75	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUNG	KNT	08	1	9			80	PSV	Vietnamese
18	BUI CONG DANH	KNT	11	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	7	584	8	73	2	27	4		
2	KNT	11	724	12	82	0	0	14		
TOTAL		18	1.308	20	155	2	27	18		
WEIGHT KG			1.308		155		27			

GRAND TOAL: 1.490 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN
TRẦN KHÁNH TRÌNH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: P11 - RP3	CREW: LHM - KHAI - DUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/3687	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG NHAT QUANG	P11	53	1	3			57	KHOAN	Vietnamese
2	NGO THANH CUA	P11	81	1	10			61	NAM TIEN	Vietnamese
3	NGUYEN CANH PHUOC	P11	50	1	10			63	NAM TIEN	Vietnamese
4	TANG TIEN TOAN	P11	49	1	12			81	DVL	Vietnamese
5	VO CHI THANH	P11	54-55	2	19			74	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN THIEU BINH	P11	56-57	2	20			70	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TRUNG	P11	51-52	2	13			72	DVL	Vietnamese
8	TRAN ANH DUNG	RP3	87	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO VAN TUAN	RP3	99	1	10			84	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN DINH PHONG	RP3	96-97	2	15			70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN MINH HOANG	RP3	98	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
12	LE XUAN VIET	RP3	94	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM VAN NAM	RP3	86	1	12			58	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRI	RP3	84-85	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VIET HUNG	RP3	90-91	2	9			65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN DUC CHUNG	RP3	92-93	2	18			59	XAYLAP	Vietnamese
17	VU VAN LOI	RP3	88-89	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI TRONG TRIU	RP3	95	1	19			66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	7	478	10	87	0	0	1		
2	RP3	11	731	16	151	0	0	21		
TOTAL		18	1.209	26	238	0	0	22		
WEIGHT KG			1.209		238		0			

GRAND TOAL: 1.447 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

LIU THANH HAI
 DANG QUANG KHAI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:05
B.CARD: VANG-4	TO:RP3 - RCDM - RC6	CREW: LINH - SON - DTÙNG	ETA: 16:05
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM25/3689	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VUONG THE HA	RP3	67-68	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN VAN DUONG	RP3	62-63	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC SON	RP3	70	1	10	1	15	55	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN THANH HA	RP3	64	1	3			70	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VY	RP3	86	1	5			66	PSV	Vietnamese
6	TRAN THANH HAI	RP3	69	1	3			61	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	85	1	4			66	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN DUY CHINH	RP3	74	1	2			54	PSV	Vietnamese
9	TRUONG VAN PHUC	RP3	72-73	2	15			75	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN THAI	RP3	65-66	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	18-19	2	13			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN QUY	RCDM	17	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
13	DINH VAN CONG	RCDM	13	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN KIEM BAC	RCDM	16	1	11	1	15	80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN HUAN	RCDM	14	1	4			72	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC THUAN	RC6	66	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	10	657	14	96	1	15	6		
2	RCDM	5	388	6	44	1	15	9		
3	RC6	1	65	1	11	0	0	7		
TOTAL		16	1.110	21	151	2	30	22		
WEIGHT KG			1.110		151		30			

GRAND TOAL: 1.291 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHẠM THÁI SƠN

